| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 53/2025/DS-PT
Ngày: 21-3-2025
**V/v:** "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản, tranh chấp hợp đồng ủy quyền và kiện đòi tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:*** Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp: *"Hợp đồng Dân sự vay tài sản, tranh chấp hợp đồng ủy quyền và kiện đòi tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 49/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Đinh Xuân T (tên gọi khác là T1), sinh năm: 1971, bà Phạm Thị H, sinh năm: 1983; cư trú tại số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; ông T có mặt, bà H vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Vũ Đức L, sinh năm 1979; địa chỉ liên hệ: số C đường số E, khu đô thị H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 7574, quyển số 07/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 04/12/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Xuân H1, sinh năm: 1979; cư trú tại số, F đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm: 1999; địa chỉ liên hệ: số B V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 00006559, quyển số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 17/4/2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Hữu Q, sinh năm: 1982; địa chỉ liên hệ: số B V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Luật sư của Công ty L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Phan T2, sinh năm: 1994; cư trú tại số F, đường H, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

2. Văn phòng C2; địa chỉ: số C, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B, là người đại diện theo pháp luật (Trưởng Văn phòng); vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Xuân T3, sinh năm: 1976. Địa chỉ: số F, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn H2; địa chỉ: số D, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Xuân H1, sinh năm: 1979; cư trú tại số F, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Xuân H1 – Bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện của vợ chồng ông Đinh Xuân T (tên gọi khác là T1), bà Phạm Thị H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Vũ Đức L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thìUyền Huy: Vợ chồng ông T, bà H có quan hệ gia đình thân thiết với ông Trần Xuân H1, do ông H1 kết hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T4 là cháu gái của ông T. Vào khoảng tháng 8/2022 ông H1 có hỏi vay vợ chồng ông T, bà H một khoản tiền để xoay sở trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do tin tưởng ông H1 nên nguyên đơn đã đồng ý cho ông H1 vay tiền theo hình thức chuyển khoản mà không lập giấy tờ, ngày 18/8/2022 bà H chuyển khoản cho ông H1 vay số tiền 499.999.999đ theo ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản số 050030199380 mở tại S – Phòng G - Lâm Đồng do bà Phạm Thị H là chủ tài khoản qua tài khoản số 5444917 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A) do

ông Trần Xuân H1 là chủ tài khoản, thời hạn và lãi suất được thỏa thuận bằng lời nói là 12 tháng với mức lãi suất 3%/tháng, nếu không trả tiền lãi đúng thời hạn thì vợ chồng ông T, bà H có quyền yêu cầu ông H1 trả lại khoản vay gốc và lãi chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ông H1 có lập 01 hợp đồng ủy quyền cho ông T toàn quyền định đoạt đối với diện tích đất thuộc thửa số 106, tờ bản đồ 54 tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 404085 cấp ngày 09/9/2016 đứng tên bà Dương Thị N, đăng ký biến động sang tên ông Trịnh Phan T2 và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T giữ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H1 chỉ trả tiền lãi từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2023 với tổng số tiền là 75.000.000đ; sau đó thì ngưng không trả tiếp mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần gặp trực tiếp, nhắc nhở cho ông H1 biết để thực hiện nghĩa vụ trả lãi và khoản tiền vay gốc 499.999.999đ, nhưng ông H1 cố tình lẩn tránh và không có thiện chí trả nợ.

Nay vợ chồng ông T, bà H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Xuân H1 phải trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền vay gốc là 499.999.999đ và tiền lãi tương ứng với lãi suất 1,66% tạm tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/9/2024 (tương đương với 617 ngày). Vợ chồng ông T, bà H đồng ý trừ số tiền lãi ông H1 đã trả vượt, yêu cầu bị đơn tiếp tục trả số tiền lãi theo quy định là 135.959.210đ.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền số 9066 ngày 18/8/2022 giữa ông Trần Xuân H1 và ông Đinh Xuân T lập tại Văn phòng C2; buộc ông T trả lại cho ông H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 404085 cấp ngày 09/9/2016 đứng tên bà Dương Thị N, đăng ký biến động sang tên ông Trịnh Phan T2 thì nguyên đơn đồng ý sẽ trả lại khi ông H1 trả xong tiền vay gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện.

Đối với yêu cầu phản tố của ông H1 buộc vợ chồng ông T, bà H trả tiền lãi thanh toán vượt là 8.333.334đ thì nguyên đơn không đồng ý vì bị đơn chưa trả tiền gốc; hiện nay vẫn còn nợ tiền gốc và lãi của nguyên đơn.

- Theo nội dung đơn phản tố, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Trần Xuân H1 thì: Vào khoảng tháng 8/2022, do gặp khó khăn về tài chính nên ông có liên hệ với vợ chồng ông T, bà H vay số tiền 2.999.999.994đ trong đó có 2.499.999.995đ chuyển vào tài khoản đứng tên Trương Thị B1 (mẹ ông H1) do ông H1 quản lý và 499.999.999đ chuyển ngày 18/8/2022 từ số tài khoản 050030199380 chủ tài khoản là bà Phạm Thị H tại Ngân hàng thương mại cổ phần S1 qua số tài khoản 5444917 do ông Trần Xuân H1 làm chủ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A). Thời hạn vay không thỏa thuận, lãi suất là 3%/tháng; việc vay tiền không lập giấy tờ.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông có lập 01 hợp đồng ủy quyền cho ông Đinh Xuân T toàn quyền định đoạt đối với diện tích đất thuộc thửa số 106, tờ bản đồ 54 tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 404085 cấp ngày 09/9/2016 đứng tên bà Dương Thị N; đăng ký biến động sang tên ông Trịnh Phan T2 và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T giữ.

Quá trình vay thì ông đã trả tiền lãi cho nguyên đơn được 75.000.000đ (lãi suất 3%/tháng trên số tiền nợ gốc là 499.999.999đ từ ngày 21/9/2022 đến ngày 24/02/2023); sau đó do tình hình kinh tế khó khăn, ông không có khả năng trả lãi theo thỏa thuận.

Đồng thời, vào khoảng đầu tháng 4/2023 ông được biết chị gái của ông là bà Trần Thị Xuân T3 đang muốn nhận chuyển nhượng thửa đất số 187, tờ bản đồ số 36 toạ lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng với giá 1.850.000.000đ của bà Phạm Thị H nên ông có hỏi vay tiền bà T3 để trả toàn bộ nợ cho bà H là 3.000.000.000đ. Bà T3 đồng ý và đã trực tiếp chuyển khoản số tiền 4.633.000.000đ cho bà H, trong đó có số tiền 3.000.000.000đ là cho ông H1 vay để trả nợ cho bà H, số tiền còn lại là trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H. Do bà T3 còn thiếu 217.000.000đ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của nên ngày 07/7/2023 ông đã chuyển khoản số tiền là 167.000.000đ, ngày 14/8/2023 ông chuyển khoản số tiền 50.000.000đ cho bà H với nội dung trả tiền đất Lộc Đ.

Như vậy, ông đã trả cho bà H số tiền là 3.000.000.000đ đã vay trong đó có khoản vay 499.999.999đ chuyển khoản ngày 18/8/2022 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, ông có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền số 9066 ngày 18/8/2022 giữa ông và ông T lập tại Văn phòng C2; buộc ông T trả lại cho ông 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 404085 cấp ngày 09/9/2016 đứng tên bà Dương Thị N, đăng ký biến động sang tên ông Trịnh Phan T2. Yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho ông số tiền lãi đã trả vượt quá là 8.333.334đ.

- Theo lời trình bày của bà Trần Thị Xuân T3 thì: Bà là chị ruột của ông H1; ông T là cậu ruột của vợ ông H1. Vào tháng 4/2023 bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà H đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ 36, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD886932 đứng tên vợ chồng ông T, bà H. Việc chuyển nhượng này bà không có thỏa thuận trao đổi trực tiếp với vợ chồng ông T, bà H mà thông qua ông H1. Ông H1 thông báo cho bà giá chuyển nhượng thửa đất nêu trên là 1.850.000.000đ nên bà đồng ý nhận chuyển nhượng. Ngày 05/4/2023 tại Văn phòng C2 bà đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Ngoài ra vào khoảng đầu tháng 4/2023 ông H1 có đề cập với bà là hiện còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 3.000.000.000đ, do làm ăn khó khăn không trả được lãi nữa nên nhờ bà đứng ra trả số nợ này cho vợ chồng ông T, bà H. Bà đồng ý và cho ông H1 vay tiền trả nợ. Việc trả nợ thay cho ông H1 bà cũng không trao đổi với nguyên đơn mà chỉ trao đổi với ông H1. Bà đã chuyển khoản 03 lần vào tài khoản của bà H tại V có số tài khoản là 99977776868 với tổng số tiền là 4.633.000.000đ, cụ thể: lần thứ nhất: ngày 04/4/2023 chuyển 2.000.000.000đ; lần thứ hai: ngày 05/4/2023 chuyển 2.000.000.000đ; lần thứ ba: ngày 07/4/2023 chuyển 633.000.000đ; nội dung chuyển khoản cả 03 lần là *"thanh toán tiền mua BĐS tại thửa đất số 178 tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng"*.

Mặc dù ghi nội dung giao dịch là thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 187, tờ bản đồ 36 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nhưng thực tế đây là tiền bà trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H và trả tiền nợ gốc, lãi của ông H1; việc ghi nội dung chuyển tiền như trên là để cho hợp pháp.

Sau khi chuyển số tiền trên cho bà H thì bà còn thiếu tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H là 217.000.000đ; do vậy đến tháng 8/2023 thì ông H1 đã đứng ra trả toàn bộ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu cho vợ chồng ông T, bà H. Việc đi làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên bà cũng giao toàn bộ cho ông Trần Xuân H1, khi ông H1 giao Giấy chứng nhận thì bà nhận chứ không thắc mắc gì.

Đối với việc ông H1 vay tiền vợ chồng ông T, bà H như thế nào thì bà không biết, không tham gia, bà chỉ đứng ra trả nợ thay cho ông H1 số tiền 3.000.000.000đ vào tháng 4/2023 như đã nêu trên.

Nay vợ chồng ông T, bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền vay gốc 500.000.000đ thì bà không đồng ý vì bà đã trả thay số nợ này cho ông H1.

Ông H1 yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền ngày 09/9/2023 giữa ông H1 và ông T đối với thửa đất 106, tờ bản đồ số 54, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu ông T trả cho ông H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì bà đồng ý.

- Theo lời trình bày của ông Trịnh Phan T2 thì: Ông đã ủy quyền cho ông Trần Xuân H1 toàn quyền định đoạt đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ 54, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 404085 ngày 09/9/2016. Sau đó ông H1 tiếp tục ủy quyền cho ông T toàn quyền định đoạt đối với mảnh đất nêu trên thì ông không có ý kiến gì. Nay ông H1 yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày 18/8/2022 giữa ông H1 và ông T và buộc ông T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 thì ông đồng ý và không có ý kiến gì.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B thì: việc chứng nhận văn bản công chứng số 8193, quyển số

01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2021; văn bản công chứng số 9066, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/8/2022 thì Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B đã tiếp nhận hồ sơ, thực hiện trình tự thủ tục công chứng theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng được thực hiện đúng ý chí, nguyện vọng, sự tự nguyện của người yêu cầu công chứng; tại thời điểm ký các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn H2 (sau đây gọi tắt là Công ty H2) thì: vào ngày 24/02/2023 ông H1 có sử dụng số tài khoản của Công ty H2 là 683377888383 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 để chuyển số tiền 90.000.000đ tới số tài khoản 050030199380 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S) của bà Phạm Thị H. Nội dung giao dịch chuyển khoản là "Trả tiền mua hàng" nhưng thực tế đây là tiền chuyển trả lãi cho bà Phạm Thị H đối với khoản tiền cá nhân ông H1 vay của vợ chồng ông T, bà H là 2.999.999.994đ vào tháng 8/2022, làm tròn thành 3.000.000.000đ. Trong số tiền vay 3.000.000.000đ thì có có 499.999.999đ là chuyển vào tài khoản của ông Trần Xuân H1 và 2.499.999.995đ là chuyển vào tài khoản của bà Trương Thị B1. Nay Công ty H2 không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền chuyển trả lãi này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 42/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024; Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Xuân T, bà Phạm Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Xuân H1 có trách nhiệm trả cho ông Đinh Xuân T, bà Phạm Thị H số tiền vay gốc là 499.999.999đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 134.315.372đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 634.315.371đ.

Không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi là 1.643.838đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Xuân H1 về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

Tuyên bố hợp đồng ủy quyền số 9906, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/8/2022 tại Văn phòng C2 đối với thửa đất số 106 tờ bản đồ 54, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 404085 ngày 09/09/2016 đứng tên bà Dương Thị N, đăng ký biến động sang ông Trịnh Phan T2 giữa bên ủy quyền ông Trịnh Phan T2, có đại diện là ông Trần Xuân H1 và ông Đinh Xuân T vô hiệu.

Buộc ông Đinh Xuân T phải trả cho ông Trần Xuân H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CD 404085 ngày 09/09/2016 đứng tên bà Dương Thị N, đăng ký biến đồng sang ông Trịnh Phan T2.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Xuân H1 về việc buộc ông Đinh Xuân T, bà Phạm Thị H trả số tiền 8.333.334 đ tiền lãi thanh toán vượt.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 15/10/2024 ông Trần Xuân H1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm liên quan đến việc giải quyết hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn.

*Tại phiên tòa,*

Các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: ông H1 đồng ý trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền 610.000.000đ (cả gốc và lãi); ông T và người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông T, bà H là ông Vũ Đức L thống nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H1, sửa Bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc vay tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Trần Xuân H1; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Xuân H1 thì thấy rằng:

[2.1] Theo vợ chồng ông T, bà H trình bày thì vào ngày 18/8/2022 đã chuyển khoản cho bị đơn vay số tiền 499.999.999đ; do tin tưởng nên không lập giấy vay nợ, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Ông H1 đã trả tiền lãi cho nguyên đơn từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2023; sau đó thì không trả nữa.

Ông H1 thừa nhận có vay của vợ chồng ông T, bà H tổng số tiền là 2.999.999.994đ trong đó có 2.499.999.995đ chuyển vào tài khoản đứng tên Trương Thị B1 do ông H1 quản lý và 499.999.999đ chuyển từ số tài khoản 050030199380 (chủ tài khoản là Phạm Thị H) qua số tài khoản của ông là 5444917 vào ngày 18/8/2022; thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì ông H1 đã lập hợp đồng ủy quyền cho ông T được toàn

quyền định đoạt đối với diện tích đất thuộc thửa 106, tờ bản đồ số 54 tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh; có cơ sở để xác định giữa các bên có xác lập quan hệ vay tiền; hiện nay chỉ tranh chấp về thời gian, khoản tiền gốc và lãi phải trả.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay; các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: ông H1 đồng ý trả cho vợ chồng ông T, bà H số tiền 610.000.000đ (cả gốc và lãi); ông T và người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông T, bà H là ông Vũ Đức L thống nhất.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thoả thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân H1, sửa Bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; ông H1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các khoản 2, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân H1; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đinh Xuân T, bà Phạm Thị H về việc: "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản" đối với ông Trần Xuân H1.

Buộc ông Trần Xuân H1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Đinh Xuân T, bà Phạm Thị H số tiền 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng, cả tiền gốc và tiền lãi).

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Vợ chồng ông Đinh Xuân T, bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 13.494.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006002 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc. Vợ chồng ông T, bà H được nhận lại số tiền 12.194.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm còn thừa.

+ Ông Trần Xuân H1 phải chịu 28.400.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006371 ngày 28/5/2024 và số 0006512 ngày 17/7/2024; 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006043 ngày 25/10/2024; tất cả đều của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc. Ông H1 còn phải nộp 27.500.000đ án phí còn thiếu.

- Án phí phúc thẩm: Ông H1 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Ttr, Ktr & THA (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch**